

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 22/2024/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng và bùn thải từ bể phốt, hầm cầu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2302/TTr-STNMT-CTR ngày 18 tháng 3 năm 2024; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 7222/STP-VB ngày 15 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Ban hành Quy định**

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng và bùn thải từ bể phốt, hầm cầu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2024.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 73/2007/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định quản lý dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý bùn hầm cầu, bùn nạo vét hệ thống thoát nước và kênh rạch trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố Hồ Chí Minh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn; thủ trưởng các đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Xuân Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng và bùn thải
từ bể phốt, hầm cầu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng và bùn thải từ bể phốt, hầm cầu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Những nội dung không quy định tại quy định này được thực hiện theo Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải, Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ và các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây viết tắt là tổ chức, cá nhân) có hoạt động liên quan đến phát sinh, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng trong quá trình khảo sát, thi công xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, phá dỡ, di dời, tu bổ, phục hồi, bảo hành, bảo trì công trình xây dựng và bùn thải từ bể phốt, hầm cầu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Chất thải rắn xây dựng* là chất thải rắn phát sinh trong quá trình khảo sát, thi

công xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, phá dỡ, di dời, tu bổ, phục hồi, bảo hành, bảo trì công trình xây dựng.

2. *Chất thải rắn xây dựng thông thường* là chất thải rắn xây dựng không thuộc danh mục chất thải nguy hại và không thuộc danh mục chất thải công nghiệp phải kiểm soát có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại.

3. *Bùn thải từ bể phốt, hầm cầu* (còn gọi là bùn hầm cầu) là bùn hữu cơ hoặc vô cơ được thông hút, thu gom từ các bể tự hoại và các công trình vệ sinh.

4. *Chủ nguồn thải chất thải rắn xây dựng* là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phát sinh chất thải rắn xây dựng.

5. *Chủ nguồn thải bùn hầm cầu* là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phát sinh bùn thải từ bể phốt, hầm cầu.

6. *Chủ vận chuyển chất thải rắn xây dựng, bùn hầm cầu* là tổ chức, cá nhân có chức năng thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng, bùn hầm cầu theo quy định pháp luật.

7. *Chủ xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn hầm cầu* là tổ chức, cá nhân có chức năng thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn hầm cầu theo quy định pháp luật.

Chương II

PHÂN LOẠI, LƯU GIỮ, THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN XÂY DỰNG

Điều 4. Phân loại chất thải rắn xây dựng

1. Chất thải rắn xây dựng phải được phân loại ngay tại nơi phát sinh để tái sử dụng, tái chế và xử lý theo quy định tại khoản 3, điểm d, đ, e, g khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều 64 Luật Bảo vệ môi trường và theo Danh mục chất thải xây dựng và phá dỡ quy định tại Nhóm 11 Phần C Mẫu số 01-Danh mục chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát và chất thải rắn công nghiệp thông thường tại Phụ lục III Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chất thải rắn xây dựng sau khi phân loại không để lẫn với các chất thải khác và lưu giữ riêng theo quy định.

3. Chất thải nguy hại phân loại riêng và quản lý theo quy định quản lý chất thải nguy hại. Trong trường hợp chất thải rắn xây dựng có lẫn với chất thải nguy hại thì phải thực hiện việc phân tách phần chất thải nguy hại. Nếu không thể tách được thì toàn bộ hỗn hợp quản lý như chất thải nguy hại.

Điều 5. Lưu giữ chất thải rắn xây dựng

1. Chất thải rắn xây dựng lưu giữ theo loại đã được phân loại bằng thiết bị hoặc khu vực lưu giữ trong khuôn viên của công trình xây dựng. Đất, đá, bùn thải quy định tại điểm d, điểm đ khoản 5 Điều 64 Luật Bảo vệ môi trường được vận chuyển trực tiếp đến địa điểm, cơ sở để tái sử dụng làm vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng, sử dụng để bồi đắp cho đất trồng cây hoặc các khu vực đất phù hợp.

2. Thiết bị, khu vực lưu giữ chất thải rắn xây dựng phải bố trí ở nơi tránh bị ngập nước hoặc nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, đảm bảo vệ sinh môi trường xung quanh khu vực lưu giữ, đảm bảo không gây cản trở giao thông của khu vực và đảm bảo mỹ quan đô thị; phải ghi hoặc dán nhãn thông tin tên chất thải, mã chất thải, ký hiệu phân loại quy định tại Nhóm 11 Phần C Mẫu số 01-Danh mục chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát và chất thải rắn công nghiệp thông thường tại Phụ lục III Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 02 năm 2022. Không làm phát tán bụi, mùi, nước thải ra môi trường trong quá trình lưu giữ.

3. Thời gian lưu giữ chất thải rắn xây dựng phù hợp theo đặc tính của loại chất thải và quy mô, khả năng lưu chứa của thiết bị, khu vực lưu giữ. Thời gian lưu giữ chất thải nguy hại theo quy định pháp luật về quản lý chất thải nguy hại.

Điều 6. Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng

Chất thải rắn xây dựng thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý theo quy định tại khoản 3, điểm b, d, đ, e, g khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều 64 Luật Bảo vệ môi trường. Một số quy định cụ thể như sau:

1. Vận chuyển chất thải rắn xây dựng theo quy định thời gian, tuyến đường được phép lưu thông của Ủy ban nhân dân Thành phố tại Quyết định số 23/2018/QĐ-

UBND ngày 19 tháng 7 năm 2018 quy định về hạn chế và cấp phép ô tô chở hàng, ô tô tải lưu thông trong khu vực nội đô Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2018 và các quy định khác có liên quan.

2. Phương tiện vận chuyển chất thải rắn xây dựng theo quy định là phương tiện chuyên dụng đảm bảo các yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn, đã được kiểm định và được các cơ quan chức năng cấp phép lưu hành; bảo đảm không làm rò rỉ, rơi vãi, gây ô nhiễm môi trường trong quá trình vận chuyển; phương tiện vận chuyển phải được vệ sinh sạch sẽ trước khi ra khỏi công trường.

3. Chuyển giao chất thải rắn xây dựng giữa chủ nguồn thải, chủ vận chuyển và chủ xử lý thực hiện bằng hình thức hợp đồng và các hình thức khác theo quy định pháp luật hiện hành về quản lý chất thải và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4. Trong trường hợp chủ nguồn thải tự vận chuyển chất thải rắn xây dựng thì phải tuân thủ các quy định tại Điều này và quy định quản lý chất thải nguy hại đối với trường hợp vận chuyển chất thải nguy hại.

5. Quản lý, xử lý chất thải rắn xây dựng theo hồ sơ bảo vệ môi trường, giấy phép xây dựng do cơ quan có thẩm quyền cấp phép. Đối với hoạt động thi công xây dựng công trình xây dựng không yêu cầu hồ sơ bảo vệ môi trường, giấy phép xây dựng theo quy định thì quản lý, xử lý chất thải rắn xây dựng theo quy trình, biện pháp xử lý phù hợp, an toàn và tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

6. Đầu tư xây dựng trạm trung chuyển, cơ sở xử lý chất thải rắn xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định pháp luật có liên quan. Công nghệ xử lý chất thải rắn xây dựng phải phù hợp với quy mô, công suất và điều kiện kinh tế-xã hội của Thành phố.

7. Nghiêm cấm các hành vi thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng trái quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan.

Điều 7. Trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn xây dựng

1. Thực hiện phân loại, lưu giữ, tái sử dụng chất thải rắn xây dựng tại công trình xây dựng hoặc chuyển giao cho tổ chức, cá nhân để tái sử dụng, tái chế và xử lý theo đúng quy định cho các đối tượng sau:

a) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tiếp nhận chất thải rắn xây dựng thông thường để tái sử dụng, tái chế, bồi đắp cho đất trồng cây hoặc các khu vực đất phù hợp theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 5 Điều 64 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

b) Cơ sở xử lý theo quy định tại điểm g khoản 5 Điều 64 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

c) Chủ vận chuyên có hợp đồng chuyển giao với tổ chức, cơ sở xử lý hoặc có xác nhận bằng văn bản của hộ gia đình, cá nhân quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

2. Thực hiện biên bản chuyển giao chất thải rắn xây dựng theo mẫu quy định tại Phụ lục I của Quy định này cho mỗi lần chuyển giao chất thải rắn xây dựng.

3. Hộ gia đình, cá nhân tại vùng nông thôn chưa có hệ thống thu gom chất thải khi tiến hành các hoạt động thi công xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, phá dỡ, di dời, tu bổ, phục hồi, bảo hành, bảo trì công trình xây dựng được tái sử dụng chất thải rắn xây dựng thông thường làm vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng, bồi đắp cho đất trồng cây hoặc các khu vực đất phù hợp trong phạm vi diện tích đất sử dụng theo quy định pháp luật về đất đai đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

4. Không đổ thải chất thải rắn xây dựng trên vỉa hè, lòng đường, nơi công cộng, sông ngòi, suối, kênh rạch, các nguồn nước mặt khác, hệ thống thoát nước hoặc trộn lẫn vào chất thải rắn sinh hoạt.

5. Các hành vi vi phạm quy định bảo vệ môi trường trong hoạt động xây dựng sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, xây dựng và các quy định có liên quan.

Điều 8. Trách nhiệm của chủ thu gom, vận chuyên chất thải rắn xây dựng

1. Đăng ký hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Thu gom, vận chuyển và vận hành trạm trung chuyển (nếu có) chất thải rắn xây dựng theo quy định tại Điều 6 của Quy định này và các quy định có liên quan. Không chôn, lấp, đổ, thải hoặc chuyển giao chất thải rắn xây dựng trái quy định pháp luật bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan. Chịu trách nhiệm khi có sự cố xảy ra trong quá trình thu gom, vận chuyển.

3. Chi ký hợp đồng tiếp nhận chất thải rắn xây dựng với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi đã ký hợp đồng chuyển giao với các tổ chức, cơ sở xử lý hoặc có văn bản xác nhận của đối tượng là hộ gia đình, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy định này.

4. Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng xác định trên cơ sở thỏa thuận giữa chủ nguồn thải và chủ cơ sở cung cấp dịch vụ, được thể hiện trong hợp đồng cung cấp dịch vụ.

5. Có hồ sơ, tài liệu theo dõi quản lý việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng, nội dung gồm:

a) Thông tin chủ nguồn thải (tên, địa chỉ công trình, điện thoại liên hệ);

b) Số chuyến xe thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển trong ngày/tháng của từng chủ nguồn thải;

c) Loại và khối lượng chất thải rắn xây dựng được thu gom, vận chuyển của từng chủ nguồn thải;

d) Địa điểm tiếp nhận xử lý chất thải rắn xây dựng (trạm trung chuyển, cơ sở xử lý; cơ sở tái chế, tái sử dụng; địa điểm san lấp mặt bằng, bồi đắp cho đất trồng cây, các khu vực đất phù hợp);

đ) Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển;

e) Các thông tin khác nếu cần thiết.

6. Cung cấp thông tin năng lực cho Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đăng ký hoạt động kinh doanh hoặc thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng và Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường để quản lý, công bố trên website. Mẫu cung cấp thông tin về năng lực thực hiện theo Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm theo Quy định này.

7. Lập các báo cáo:

a) Báo cáo công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng định kỳ hàng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết 31 tháng 12) theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quy định này và gửi báo cáo về Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo;

b) Báo cáo đột xuất về tình hình thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

8. Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

9. Các hành vi vi phạm quy định thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, xây dựng và các quy định có liên quan.

Điều 9. Trách nhiệm của chủ xử lý chất thải rắn xây dựng

1. Đăng ký hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn xây dựng phải có giấy phép môi trường theo quy định hoặc các văn bản, giấy tờ tương đương đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác nhận.

3. Đầu tư xây dựng, trang bị đầy đủ các trang thiết bị, phương tiện và bố trí nhân lực đáp ứng năng lực tiếp nhận chất thải rắn xây dựng, đảm bảo các yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định.

4. Tiếp nhận và xử lý chất thải rắn xây dựng từ chủ nguồn thải hoặc từ chủ vận chuyển trên cơ sở hợp đồng vận chuyển, xử lý đã ký kết. Có hồ sơ, tài liệu để ghi nhận loại, khối lượng chất thải rắn xây dựng được vận chuyển đến hàng ngày có xác nhận giữa chủ vận chuyển và chủ xử lý.

5. Có hồ sơ, tài liệu theo dõi hoạt động xử lý chất thải rắn xây dựng, nội dung gồm:

a) Thông tin chung của các chủ vận chuyển chất thải rắn xây dựng (tên, địa chỉ văn phòng, điện thoại liên hệ);

b) Số lượng chuyến xe, loại và khối lượng chất thải rắn xây dựng tiếp nhận của từng chủ vận chuyển;

c) Công nghệ, biện pháp xử lý chất thải rắn xây dựng;

d) Nhật ký vận hành các hạng mục công trình, thiết bị trong dây chuyền công nghệ xử lý;

đ) Các thông tin khác nếu cần thiết.

6. Thực hiện đúng quy trình quản lý vận hành cơ sở xử lý; có các biện pháp an toàn lao động trong vận hành và bảo đảm sức khỏe cho người lao động.

7. Lập các báo cáo:

a) Báo cáo định kỳ hoạt động xử lý chất thải rắn xây dựng định kỳ hàng năm bao gồm các nội dung chính: thông tin chủ vận chuyển, tên (loại) và khối lượng chất thải rắn xây dựng đã tiếp nhận; công nghệ, biện pháp xử lý và các thông tin khác có liên quan hoạt động xử lý chất thải rắn xây dựng. Nội dung báo cáo định kỳ hoạt động xử lý chất thải rắn xây dựng tích hợp vào báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định hoặc thực hiện báo cáo riêng theo hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi quản lý;

b) Báo cáo bằng văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải và Công an Thành phố để theo dõi, quản lý trong trường hợp quá 06 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng với chủ vận chuyển mà chủ vận chuyển không thực hiện chuyển giao chất thải rắn xây dựng theo hợp đồng đã ký kết;

c) Báo cáo đột xuất về tình hình xử lý chất thải rắn xây dựng theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

8. Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

9. Các hành vi vi phạm quy định xử lý chất thải rắn xây dựng sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, xây dựng và các quy định có liên quan.

Chương III

THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ Bùn HẦM CẦU

Điều 10. Thu gom, vận chuyển và xử lý bùn hầm cầu

Yêu cầu thu gom, vận chuyển và xử lý bùn hầm cầu thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 25 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải và tại Điều 3 Thông tư số

04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015. Bùn thải từ bể phốt, hầm cầu phát sinh từ thi công xây dựng, cải tạo, sửa chữa, phá dỡ công trình xây dựng quản lý theo quy định về quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường quy định tại điểm e khoản 5 Điều 64 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Một số nội dung quy định cụ thể như sau:

1. Vận chuyển bùn hầm cầu theo quy định thời gian, tuyến đường được phép lưu thông của Ủy ban nhân dân Thành phố tại Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2018 quy định về hạn chế và cấp phép ô tô chở hàng, ô tô tải lưu thông trong khu vực nội đô Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2018 và các quy định khác có liên quan.

2. Chuyển giao bùn hầm cầu giữa chủ nguồn thải, chủ vận chuyển và chủ xử lý thực hiện bằng hình thức hợp đồng và các hình thức khác theo quy định pháp luật hiện hành về quản lý chất thải và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Phương tiện vận chuyển bùn hầm cầu phải đáp ứng các yêu cầu:

a) Xe tải bồn kín chuyên dụng đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về giao thông vận tải. Bồn xe có van khoá đảm bảo không rơi vãi bùn hầm cầu, phát tán mùi trong quá trình vận chuyển và phải được kiểm định theo quy định;

b) Thiết bị bơm, hút bùn hầm cầu phải đảm bảo không rò rỉ;

c) Có dòng chữ “VẬN CHUYỂN BÙN HẦM CẦU” ở hai bên thành của phương tiện với chiều cao ít nhất là 15 cm, kèm theo tên cơ sở, địa chỉ, số điện thoại liên hệ;

d) Có đầy đủ thiết bị và biện pháp kỹ thuật vệ sinh xe tại địa điểm thu gom, tại cơ sở trong thời gian lưu giữ và tại địa điểm xử lý sau khi chuyển giao bùn hầm cầu đến địa điểm xử lý tập trung;

đ) Có đầy đủ đội ngũ lái xe được tập huấn để đảm bảo vận hành an toàn phương tiện, thiết bị trong quá trình vận chuyển bùn hầm cầu;

e) Phương tiện vận chuyển bùn hầm cầu phải lắp đặt thiết bị giám sát hành trình

và cung cấp tài khoản cho Ủy ban nhân dân cấp huyện để giám sát, quản lý. Thiết bị giám sát hành trình phải tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt, hoạt động liên tục trong thời gian xe tham gia giao thông. Thông tin từ thiết bị giám sát hành trình được lưu trữ để đảm bảo cung cấp được cho cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu.

4. Nghiêm cấm sử dụng phương tiện thô sơ, có thể gây rò rỉ bùn hàm cầu và phát sinh mùi hôi trong quá trình vận chuyển.

5. Bùn hàm cầu phải được vận chuyển đến tới các cơ sở xử lý đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động trong các khu xử lý chất thải tập trung của Thành phố. Nghiêm cấm xả thẳng bùn hàm cầu vào hệ thống thoát nước cũng như môi trường xung quanh.

6. Nghiêm cấm mọi hành vi thu gom, vận chuyển, xử lý bùn hàm cầu trái quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan.

Điều 11. Trách nhiệm của chủ nguồn thải bùn hàm cầu

1. Quản lý bùn hàm cầu tại địa điểm phát sinh theo đúng quy định và chuyển giao cho các đối tượng sau:

a) Cơ sở xử lý có chức năng xử lý bùn hàm cầu theo quy định;

b) Chủ vận chuyển đã ký hợp đồng chuyển giao với cơ sở xử lý có chức năng xử lý bùn hàm cầu theo quy định tại điểm a khoản này.

2. Việc chuyển giao bùn hàm cầu giữa chủ nguồn thải và chủ vận chuyển, chủ xử lý thực hiện bằng biên bản bàn giao với các nội dung chính: khối lượng, thời gian chuyển giao và xác nhận giữa các bên. Chủ nguồn thải sau khi chuyển giao bùn hàm cầu cho chủ vận chuyển có quyền đề nghị chủ vận chuyển xác nhận bằng văn bản của chủ xử lý đã tiếp nhận, xử lý bùn hàm cầu để có cơ sở bùn hàm cầu đã được chuyển giao và xử lý theo đúng Quy định này và hợp đồng đã ký kết.

3. Các trách nhiệm khác theo quy định pháp luật.

4. Các hành vi vi phạm quy định quản lý bùn hàm cầu sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan.

Điều 12. Trách nhiệm của chủ vận chuyển bùn hàm cầu

1. Đăng ký hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ và quy định tại Điều 10 của Quy định này.

3. Cung cấp thông tin năng lực thực hiện thu gom, vận chuyển bùn hầm cầu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đăng ký hoạt động kinh doanh và nơi thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển bùn hầm cầu định kỳ 6 tháng/lần để quản lý, công bố trên website. Mẫu cung cấp thông tin về năng lực thực hiện theo Phụ lục V ban hành kèm theo Quy định này.

4. Chỉ ký hợp đồng thu gom, vận chuyển bùn hầm cầu với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi chủ vận chuyển đã ký hợp đồng chuyển giao với cơ sở xử lý có chức năng theo quy định để xử lý bùn hầm cầu.

5. Vận chuyển bùn hầm cầu đến cơ sở xử lý có chức năng theo quy định để xử lý bùn hầm cầu.

6. Thực hiện biên bản chuyển giao bùn hầm cầu và đề nghị chủ xử lý xác nhận bằng văn bản đã tiếp nhận, xử lý bùn hầm cầu theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Quy định này.

7. Chịu trách nhiệm khi có sự cố môi trường xảy ra trong quá trình thu gom, vận chuyển.

8. Lập các báo cáo:

a) Báo cáo công tác thu gom, vận chuyển bùn hầm cầu định kỳ hàng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết 31 tháng 12) theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Quy định này và gửi báo cáo về Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo;

b) Báo cáo đột xuất về tình hình thu gom, vận chuyển bùn hầm cầu theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

9. Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

10. Các hành vi vi phạm quy định thu gom, vận chuyển bùn hầm cầu sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định có liên

quan.

Điều 13. Trách nhiệm của chủ xử lý bùn hầm cầu

1. Đăng ký hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Tuân thủ quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ và quy định tại Điều 10 của Quy định này.

3. Có giấy phép môi trường hoặc các văn bản, giấy tờ tương đương đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác nhận.

4. Đầu tư xây dựng, trang bị đầy đủ các trang thiết bị, phương tiện và bố trí nhân lực đáp ứng năng lực tiếp nhận bùn hầm cầu, đảm bảo các yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định.

5. Tiếp nhận và xử lý bùn hầm cầu trên cơ sở hợp đồng vận chuyển, xử lý đã ký kết. Có hồ sơ, tài liệu để ghi nhận khối lượng bùn hầm cầu được tiếp nhận hàng ngày.

6. Thực hiện biên bản chuyển giao bùn hầm cầu và xác nhận bằng văn bản đã tiếp nhận, xử lý bùn hầm cầu theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Quy định này.

7. Lập các báo cáo:

a) Báo cáo định kỳ hoạt động xử lý bùn hầm cầu định kỳ hàng năm bao gồm các nội dung chính: thông tin chủ vận chuyển; khối lượng/dung tích/số xe chở bùn hầm cầu đã tiếp nhận; công nghệ, biện pháp xử lý; khối lượng sản phẩm, chất thải sau quá trình xử lý bùn hầm cầu và các thông tin khác có liên quan hoạt động xử lý bùn hầm cầu. Nội dung báo cáo định kỳ hoạt động xử lý bùn hầm cầu được tích hợp vào báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Quyết định số 3323/QĐ-BTNMT ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc thực hiện báo cáo riêng theo hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi quản lý;

b) Báo cáo bằng văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Tài nguyên

và Môi trường, Sở Giao thông vận tải và Công an Thành phố để theo dõi, quản lý trong trường hợp quá 06 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng với chủ vận chuyển mà chủ vận chuyển không thực hiện chuyển giao bùn hầm cầu theo hợp đồng đã ký kết.

c) Báo cáo đột xuất về tình hình xử lý bùn hầm cầu theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

8. Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

9. Các hành vi vi phạm quy định xử lý bùn hầm cầu sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan.

Chương IV **TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**

Điều 14. Trách nhiệm của Sở ban ngành

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo công tác quản lý trạm trung chuyển, xử lý tập trung chất thải rắn xây dựng, bùn hầm cầu của Thành phố gồm: quy hoạch địa điểm, định hướng công nghệ và các yêu cầu bảo vệ môi trường;

b) Cung cấp thông tin, số liệu về trạm trung chuyển, khu xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn hầm cầu tập trung của Thành phố gửi Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp huyện để phục vụ công tác quản lý và thông tin đến các cá nhân, tổ chức trên địa bàn để biết, thực hiện;

c) Tiếp nhận danh sách các chủ vận chuyển chất thải rắn xây dựng, bùn hầm cầu do Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi để đăng tải trên website;

d) Kiểm tra công tác bảo vệ môi trường hoạt động xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn hầm cầu của các cơ sở xử lý theo thẩm quyền;

đ) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố tình hình quản lý chất thải rắn xây dựng, bùn hầm cầu trên địa bàn Thành phố;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân Thành phố giao hoặc theo

quy định của pháp luật.

2. Sở Xây dựng:

a) Hướng dẫn, kiểm tra và xử lý vi phạm của chủ đầu tư xây dựng công trình thực hiện quản lý chất thải rắn xây dựng, bùn hầm cầu không đúng quy định khi thi công xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, phá dỡ, di dời, tu bổ, phục hồi, bảo hành, bảo trì theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

b) Cung cấp thông tin, số liệu phục vụ công tác báo cáo quản lý chất thải rắn xây dựng, bùn hầm cầu trên địa bàn Thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân Thành phố giao hoặc theo quy định của pháp luật.

3. Sở Giao thông vận tải:

a) Chỉ đạo Thanh tra Sở Giao thông vận tải và các đơn vị trực thường xuyên theo dõi, kiểm tra, phát hiện kịp thời và xử lý các hành vi vi phạm của chủ vận chuyển đồ, chất thải rắn xây dựng, bùn hầm cầu không đúng quy định theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân Thành phố giao hoặc theo quy định của pháp luật.

4. Công an Thành phố:

a) Kiểm tra và xử lý nghiêm đối với các hành vi vi phạm quy định quản lý chất thải rắn xây dựng, bùn hầm cầu trên địa bàn Thành phố;

b) Tăng cường kiểm tra phương tiện vận chuyển chất thải rắn xây dựng, bùn hầm cầu trên địa bàn Thành phố; phát hiện và xử lý nghiêm đối với chủ phương tiện vận chuyển, trang thiết bị, phương tiện sử dụng không đáp ứng yêu cầu, đồ, chất thải rắn xây dựng, bùn hầm cầu không đúng quy định;

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân Thành phố giao hoặc theo quy định của pháp luật.

5. Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố và Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố:

a) Hướng dẫn chủ nguồn thải, chủ vận chuyển và chủ xử lý chất thải rắn xây

dựng, bùn hàm cầu hoạt động trong khu chế xuất, khu công nghiệp và khu công nghệ cao tuân thủ Quy định này và các quy định pháp luật có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

b) Kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý chất thải rắn xây dựng, bùn hàm cầu của chủ nguồn thải và hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng, bùn hàm cầu trong khu chế xuất, khu công nghiệp và khu công nghệ cao. Xử lý các hành vi vi phạm theo thẩm quyền hoặc thông báo cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định;

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân Thành phố giao hoặc theo quy định của pháp luật.

6. Cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hướng dẫn các cơ sở, doanh nghiệp liên hệ cơ quan chức năng để thực hiện các yêu cầu của ngành nghề khi thành lập mới theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 15. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Hướng dẫn hộ gia đình, chủ nguồn thải, chủ vận chuyển chất thải rắn xây dựng, bùn hàm cầu trên địa bàn thực hiện quy định quản lý chất thải rắn xây dựng, bùn hàm cầu.

2. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp xã thường xuyên tổ chức theo dõi, giám sát, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về quản lý chất thải rắn xây dựng, bùn hàm cầu trên địa bàn quản lý theo thẩm quyền.

3. Tiếp nhận, thống kê, công bố trên website và định kỳ 06 tháng gửi Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan danh sách các chủ vận chuyển chất thải rắn xây dựng, bùn hàm cầu thông báo hoạt động với Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Báo cáo công tác quản lý chất thải rắn xây dựng, bùn hàm cầu thuộc phạm vi quản lý gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố. Nội dung chính của báo cáo bao gồm thông tin loại, khối lượng chất thải rắn xây dựng, bùn hàm cầu phát sinh, thu gom, vận chuyển xử lý; công tác kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm và các nội dung khác theo tình hình thực tế.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân Thành phố giao hoặc theo

quy định của pháp luật.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản quy định pháp luật sửa đổi, bổ sung có thay đổi thì thực hiện theo quy định của các văn bản mới được sửa đổi, bổ sung.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hay cần thiết phải sửa đổi bổ sung cho phù hợp quy định pháp luật và tình hình thực tế phát sinh, các đơn vị gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp và đề xuất trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét điều chỉnh./.

Phụ lục I

BIÊN BẢN CHUYỂN GIAO CHẤT THẢI RẮN XÂY DỰNG

(Kèm theo Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. Mẫu biên bản chuyển giao chất thải rắn xây dựng (CTRXD)

BIÊN BẢN CHUYỂN GIAO CHẤT THẢI RẮN XÂY DỰNG					
Ngày ... tháng ... năm ...					
1. Chủ đầu tư công trình xây dựng, chủ hộ gia đình					
Tên:Điện thoại:.....					
Nhà thầu thi công xây dựng được chủ đầu tư, chủ hộ gia đình ủy quyền:					
Tên:Điện thoại:.....					
Địa chỉ công trình xây dựng:					
2. Chủ vận chuyển:					
Tên:					
Địa chỉ văn phòng: Điện thoại:					
Địa chỉ trạm trung chuyển (nếu có):					
3.1. Chủ đầu tư, chủ hộ gia đình của công trình xây dựng tiếp nhận CTRXD để tái sử dụng san lấp mặt bằng					
Tên:Điện thoại:.....					
Địa chỉ công trình xây dựng:					
3.2 Chủ sở hữu quyền sử dụng của khu đất tiếp nhận CTRXD để bồi đắp cho đất trồng cây hoặc các khu vực đất phù hợp					
Tên:Điện thoại:.....					
Địa chỉ khu đất:.....					
4. Chủ xử lý:					
Tên:					
Địa chỉ văn phòng: Điện thoại:					
Địa chỉ cơ sở xử lý:					
5. Chất thải rắn xây dựng chuyển giao					
TT	Tên (Loại)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (tấn)	Phương pháp tái sử dụng, tái chế, xử lý
1					
2					

3	Tổng khối lượng				
Mục “Phương pháp tái sử dụng, tái chế, xử lý” phải ghi rõ: “tái sử dụng <i>san lấp mặt bằng</i> ”, “ <i>đề bồi đắp cho đất trồng cây hoặc các khu vực đất phù hợp</i> ”, “tái chế”, “xử lý”.					
6. Các bên xác nhận thống nhất chuyển giao, tiếp nhận chất thải rắn xây dựng đúng theo các thông tin nêu trên					
<i>(Địa danh), ngày... tháng... năm...</i> Chủ đầu tư công trình xây dựng, chủ hộ gia đình hoặc Nhà thầu thi công xây dựng được chủ đầu tư, chủ hộ gia đình ủy quyền <i>(Chữ ký, đóng dấu nếu có)</i> Họ và tên			<i>(Địa danh), ngày... tháng... năm...</i> Chủ vận chuyển <i>(Chữ ký, đóng dấu nếu có)</i> Họ và tên		
<i>(Địa danh), ngày... tháng... năm...</i> Chủ đầu tư, chủ hộ gia đình của công trình xây dựng tiếp nhận CTRXD để tái sử dụng san lấp mặt bằng hoặc Chủ sở hữu quyền sử dụng của khu đất tiếp nhận CTRXD để bồi đắp cho đất trồng cây hoặc các khu vực đất phù hợp <i>(Chữ ký, đóng dấu nếu có)</i> Họ và tên			<i>(Địa danh), ngày... tháng... năm...</i> Chủ xử lý <i>(Chữ ký, đóng dấu nếu có)</i> Họ và tên		

II. Hướng dẫn thực hiện biên bản chuyển giao chất thải rắn xây dựng

1. Biên bản chuyển giao chất thải rắn xây dựng được lập giữa các bên có liên quan trong việc chuyển giao, tiếp nhận chất thải rắn xây dựng. Các bên chịu trách nhiệm kê khai đầy đủ nội dung của biên bản; nội dung nào không có kê khai “không có”.

2. Biên bản chuyển giao chất thải rắn xây dựng được lập mỗi khi thực hiện một lần chuyển giao chất thải rắn xây dựng tương ứng với từng bên nhận chất thải; được in sẵn để kê khai bằng tay hoặc kê khai trực tiếp trong máy tính trước khi in ra và được lập thành các bản như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

3. Có thể điều chỉnh, bổ sung một số thông tin cho phù hợp khi lập biên bản chuyển giao chất thải rắn xây dựng theo thực tế phát sinh (nếu có).

Phụ lục II
MẪU THÔNG TIN NĂNG LỰC ĐƠN VỊ THỰC HIỆN DỊCH VỤ
THU GOM, VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI RẮN XÂY DỰNG
(DÀNH CHO DOANH NGHIỆP)

*(Kèm theo Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Tên tổ chức

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... .. , ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG THU GOM,
VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI RẮN XÂY DỰNG

Kính gửi: Ủy ban nhân dân ...; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Xây dựng;.

1. Tên tổ chức (tên đăng ký pháp nhân):

- Đại diện đơn vị:

- Thông tin liên hệ:

+ Địa chỉ văn phòng:

+ Điện thoại:

+ Fax:

+ Email:

+ Website (nếu có):

2. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô:

3. Số lượng phương tiện, năng lực thực hiện

STT	Loại phương tiện, trọng tải thiết kế, biển kiểm soát	Số lượng	Ghi chú
1			
2			
...			

4. Các công trình tiêu biểu đã tham gia

STT	Tên dự án/Chủ đầu tư/Địa điểm	Thời gian thực hiện	Khối lượng thực hiện	Ghi chú
1				

2				
...				

5. Những công trình đang thực hiện

STT	Tên dự án/Chủ đầu tư/Địa điểm	Thời gian thực hiện	Khối lượng thực hiện	Ghi chú
1				
2				
...				

6. Đơn vị chuyên giao xử lý chất thải rắn xây dựng:

- Tên:

- Đại diện đơn vị:

- Thông tin liên hệ:

+ Địa chỉ văn phòng:

+ Điện thoại:

+ Fax:

+ Email:

+ Website (nếu có):

- Hợp đồng chuyên giao xử lý chất thải rắn xây dựng số ... ngày ... tháng ... năm ... (đính kèm bản sao).

Tôi, đại diện [*Tên tổ chức*], cam đoan những thông tin kê khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

... .. , ngày ... tháng ... năm ...

Người đại diện Tổ chức

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Biểu mẫu này có thể bổ sung thông tin cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Thông tin liên hệ:

+ Địa chỉ văn phòng:

+ Điện thoại:

+ Fax:

+ Email:

+ Website (nếu có):

- Hợp đồng chuyển giao xử lý chất thải rắn xây dựng số ... ngày ... tháng ... năm ... (đính kèm bản sao).

Tôi cam đoan những thông tin kê khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

... .. , ngày ... tháng ... năm ...

Đại diện đơn vị kinh doanh

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú: Biểu mẫu này có thể bổ sung thông tin cho phù hợp với tình hình thực tế.

Phụ lục IV**MẪU BÁO CÁO CÔNG TÁC THU GOM, VẬN CHUYỂN
CHẤT THẢI RẮN XÂY DỰNG CỦA CHỦ VẬN CHUYỂN**

(Kèm theo Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BÁO CÁO CÔNG TÁC THU GOM, VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI RẮN XÂY DỰNG**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân ...; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Xây dựng.

1. Tên tổ chức (tên đăng ký pháp nhân):

- Đại diện đơn vị:

- Thông tin liên hệ:

+ Địa chỉ văn phòng:

+ Điện thoại:

+ Fax:

+ Email:

+ Website (nếu có):

2. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô:**3. Thực hiện thu gom, vận chuyển, chuyển giao chất thải rắn xây dựng**

TT	Ngày	Thông tin về chủ nguồn thải CTRXD (Giấy phép xây dựng (nếu có))	Tên (Loại) và khối lượng CTRXD đã thu gom, vận chuyển và chuyển giao						Thông tin đơn vị tiếp nhận	
			Tên (Loại)	Mã chất thải	Khối lượng tái sử dụng san lấp mặt bằng (tấn)	Khối lượng bồi đắp cho đất trồng cây hoặc các khu vực đất phù hợp (tấn)	Khối lượng tái chế (tấn)	Khối lượng xử lý (tấn)	Tên	Địa chỉ
1										
2										
...										
Tổng										

... .., ngày ... tháng ... năm ...

Đại diện đơn vị thu gom, vận chuyển
(Ký tên, đóng dấu)**Ghi chú:** Biểu mẫu này có thể bổ sung thông tin cho phù hợp với tình hình thực tế.

Phụ lục V**MẪU THÔNG TIN NĂNG LỰC THỰC HIỆN****THU GOM, VẬN CHUYỂN BÙN HẦM CẦU**

*(Kèm theo Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Tên tổ chức/Cá nhân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... .. , ngày ... tháng ... năm ...

**THÔNG TIN NĂNG LỰC THỰC HIỆN THU GOM,
VẬN CHUYỂN BÙN HẦM CẦU**

Kính gửi : Phòng Tài nguyên và Môi trường ...

1. Thông tin chung

- Tên tổ chức/cá nhân:
- Địa chỉ văn phòng: Điện thoại: Fax:
- Căn cước công dân (nếu là cá nhân): ngày cấp nơi cấp
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ngày cấp nơi cấp
- Tên cơ sở (nếu có):
- Địa chỉ cơ sở: Điện thoại: Fax:
- Họ tên người liên hệ: Điện thoại:
- Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô:
- Thông tin truy cập hệ thống giám sát hành trình:

2. Địa bàn hoạt động**3. Trang thiết bị, phương tiện và nhân viên****3.1. Danh mục thiết bị, phương tiện**

STT	Tên phương tiện/Biển kiểm soát	Số lượng	Họ tên cá nhân/tổ chức quản lý điều hành	Đã lắp đặt thiết bị giám sát hành trình

1				
2				
...				

3.2. Danh sách nhân viên

STT	Họ và tên/CCCD/Địa chỉ cư trú	Trình độ học vấn	Công việc cụ thể tại cơ sở
1			
2			
...			

4. Đơn vị chuyển giao xử lý bùn hầm cầu

- Tên:
- Đại diện đơn vị:.....
- Thông tin liên hệ:
- + Địa chỉ văn phòng:
- + Điện thoại:..... + Fax:.....
- + Email: + Website (nếu có):
- + Địa chỉ nhà máy xử lý:
- Hợp đồng chuyển giao xử lý bùn hầm cầu số ... ngày ... tháng ... năm ... (đính kèm bản sao).

5. Cam kết

Tôi, đại diện [*Tên tổ chức/cá nhân*] cam kết tuân thủ các quy định hiện hành về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động đồng thời chịu sự kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền và tuân thủ đúng hướng dẫn của cơ quan này trong quá trình hoạt động. Tôi xin cam đoan những thông tin cung cấp trên đây là đúng sự thật. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

... .. , ngày ... tháng ... năm ...
Người đại diện Tổ chức/cá nhân
(Ký tên, đóng dấu nếu có)

Ghi chú: Biểu mẫu này có thể bổ sung thông tin cho phù hợp với tình hình thực tế.

Phụ lục VI
MẪU BÁO CÁO CÔNG TÁC THU GOM, VẬN CHUYỂN
BÙN HẦM CẦU
(Kèm theo Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO CÔNG TÁC THU GOM, VẬN CHUYỂN BÙN HẦM CẦU

Kính gửi: Ủy ban nhân dân ...

1. Thông tin chung

- Tên tổ chức/cá nhân:
- Địa chỉ văn phòng: Điện thoại: Fax:
- Căn cước công dân (nếu là cá nhân): ngày cấp: nơi cấp:
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ngày cấp: nơi cấp:
- Tên cơ sở (nếu có):
- Địa chỉ cơ sở: Điện thoại: Fax:
- Họ tên người liên hệ: Điện thoại:
- Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô:
- Thông tin truy cập hệ thống giám sát hành trình:

2. Địa bàn hoạt động

3. Thực hiện thu gom, vận chuyển bùn hầm cầu

TT	Tên phương tiện/Biển kiểm soát	Số chuyên	Số lượng bùn hầm cầu đã thu gom, vận chuyển (m ³)	Đơn vị tiếp nhận
1				
2				
...				
Tổng				

... .. , ngày ... tháng ... năm ...
Đại diện đơn vị thu gom, vận chuyển
(Ký tên, đóng dấu nếu có)

Ghi chú: Biểu mẫu này có thể bổ sung thông tin cho phù hợp với tình hình thực tế.